

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ NINH  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HSST  
Ngày 30-3-2022

**NHÂN DA**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phùng Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hoa  
Ông Hoàng Văn Luyện

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Trung Sơn- Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Thị N, sinh ngày 04/10/1958; nơi sinh: Tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Khu N, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Đ và con bà Nguyễn Thị Đ1; chồng: Trần Văn T1 (đã chết); con: 03, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 01 (Bản án số 16/2015/HSST ngày 27/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh xử phạt N 16 triệu đồng về tội Đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và án phí năm 2015); bị Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. A Đỗ Tất T2, sinh năm 1975; trú tại: Khu 6, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. A Nguyễn Đức A, sinh năm 1992; trú tại: khu 8, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày, Nguyễn Thị N đã sử dụng nhà ở của mình để bán số lô, số đề cho khách. N và người mua số lô, số đề thỏa thuận với nhau, cụ thể: Đối với số đề, khách mua số đề chỉ phải trả cho N số tiền bằng 80% (tám mươi phần trăm) số tiền thực tế họ mua số đề, còn 20% là tiền phần trăm hoa hồng N cho khách; khách trúng số đề tức là hai số đề khách mua, trùng với hai số cuối giải đặc biệt kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày sẽ được trả số tiền gấp 70 (bảy mươi) lần số tiền họ mua số đề. Đối với số lô, 1 điểm lô khách mua là 23.000đ (hai mươi ba nghìn đồng), khách trúng số lô tức là số lô khách mua trùng với hai số cuối của một trong số tất cả các giải kết quả xổ số, được trả số tiền 80.000đ (tám mươi nghìn đồng) một điểm.

Khoảng 17 giờ ngày 20/12/2021, Đỗ Tất T2, sinh năm 1975; trú tại: Khu 6, xã Liên Hoa, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ và Nguyễn Đức A, sinh năm 1992 trú tại: Khu 8, xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ đi đến nhà của N mua số lô, số đề.

T2 mua các số lô 15, 51 mỗi số là 30 (ba mươi) điểm; số lô 18, 81 mỗi số là 20 (hai mươi) điểm; số đề 07, 70, 27, 72, 47, 74, 68, 86 mỗi số là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Tổng số tiền T2 mua số lô, số đề của N là 3.100.000đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng). Sau khi trừ 160.000đ tiền phần trăm hoa hồng số đề, T2 chỉ phải trả cho N số tiền 2.940.000đ (Hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng). N viết các số lô, số đề T2 mua vào một quyển sổ (gọi là bảng đề) rồi thu tiền của T2 và viết các số lô, số đề đó vào một mảnh giấy trắng nhỏ (gọi là cặp đề) đưa cho T2, T2 cầm cặp đề đút vào túi quần trước bên trái.\

Sau khi T2 mua xong thì A mua các số lô 10, 96 mỗi số lô là 50 (Năm mươi) điểm; số đề 90 là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Tổng số tiền A mua số lô, số đề của N là 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), trừ 20.000đ tiền phần trăm hoa hồng số đề A chỉ phải trả cho N số tiền 2.380.000đ (Hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). N viết các số lô, số đề A mua vào bảng đề rồi thu tiền và viết các số lô, số đề đó vào cặp đề đưa cho A, A cầm cặp đề đút vào túi quần trước bên trái. Sau đó T2 và A ra về. Khi T2 và A đi đến đoạn đường thuộc Khu N, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ thì bị Công an huyện Phù Ninh kiểm tra, phát hiện thu giữ tại túi quần trước bên trái của T2 và A mỗi người 01 (một) mảnh giấy hình chữ nhật có ghi chữ và số, T2 và A khai nhận đó là cặp đề mà họ mua số lô, số đề của N.

Công an huyện Phù Ninh đã ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo, thu giữ bảng đề ghi số lô, số đề ngày 20/12/2021, 01 (một) chiếc ví giả da màu đỏ, đã cũ bên trong có số tiền 8.600.000đ (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng), 01 (một) chiếc bút bi mực màu xA. Bị cáo khai nhận trong tổng số tiền bị thu giữ có 5.320.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) là tiền ghi số lô số đề cho T2 và A, số tiền 3.280.000đ (Ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) là do lao động mà có, không liên

quan đến việc ghi sổ lô số đề. Quá trình điều tra N đã tự nguyện nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) là tiền hoa hồng có được từ việc bán sổ lô, số đề những ngày trước.

Cáo trạng số 09/CT-VKSPN ngày 08/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

*Tại phiên tòa,*

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo N từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung; buộc bị cáo phải lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Về vật chứng và án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Ninh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng đạt cho bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử, không hoãn phiên tòa là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 20/12/2021, tại nhà của mình ở Khu N, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Thị N đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho Đỗ Tất T2, sinh năm 1975, trú tại: Khu 6, xã Liên Hoa, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ và Nguyễn Đức A, sinh năm 1992, trú tại: Khu 8, xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ với tổng số tiền là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng chẵn);

Như vậy, hành vi của bị cáo N đủ yếu tố cấu T3 tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo tuy ít nguy hiểm cho xã hội nhưng xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích vụ lợi cá nhân nên cần xử phạt nghiêm khắc để răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo không có tiền án tiền sự, có nhân thân xấu và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 do “T3 khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương.

Xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người cao tuổi và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp. Qua điều tra, xác minh thể hiện bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập. Tuy bị cáo là người cao tuổi nhưng vẫn có sức khỏe nên cần buộc bị cáo phải lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra đã làm rõ bị cáo có nhà đất nhưng là nơi ở duy nhất của cả gia đình. Ngoài tài sản này, bị cáo không có tài sản gì khác, không có nghề nghiệp, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

*Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:*

Đối với 01 quyển sổ bên trong thể hiện số lô, số đề bị cáo bán cho T2 và A; 01 mảnh giấy hình chữ nhật, có viết các chữ số bằng mực bút bi màu xA bắt đầu là “20/12” kết thúc là “lô: 81-20đ” thu của Đỗ Tất T2; 01 mảnh giấy hình chữ nhật, có viết các chữ số bằng mực bút bi màu xanh bắt đầu là “20/12” kết thúc là “90-100”

thu của Nguyễn Đức A là các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đang lưu trong hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ.

Đối với số tiền 8.600.000đ (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng) thu khi khám xét khẩn cấp nhà ở của bị cáo, trong đó có 5.320.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) là tiền bị cáo thu được do bán số lô, số đề cho T2 và A nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại 3.280.000đ là tiền do bị cáo lao động mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bị cáo tự nguyện nộp trong giai đoạn điều tra, bị cáo khai đây là tiền thu lợi bất chính của những ngày đánh bạc trước đó nhưng Cơ quan điều tra không có căn cứ xác định bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong những ngày trước đó như bị cáo khai nên cần trả lại số tiền này cho bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 chiếc bút bi mực màu xanh bị cáo dùng để ghi số lô, số đề là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội; 01 ví giả da màu đỏ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, các vật này đều không có giá trị, không sử dụng được, bị cáo không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 02 người chơi đề, chơi lô là T2 và A có hành vi mua số lô, số đề nhưng số tiền đánh bạc đều dưới 5 triệu đồng và cả hai đều chưa có tiền án, tiền sự về các tội đánh bạc, gá bạc hoặc tổ chức đánh bạc nên Công an huyện Phù Ninh đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T2 và A là phù hợp. Đối với số tiền hoa hồng T2 và A được bị cáo trừ 20% (tương đương T2 được trừ 160.000đ và A được trừ 20.000đ), là tiền đánh bạc nên cần buộc T2 và A nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với lời khai của bị cáo về việc có làm thư ký bán số lô, số đề cho Đặng Xuân T3, sinh năm 1968, trú tại: Khu N, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ đã được Cơ quan điều tra đối chất, xác minh, làm rõ nhưng ngoài lời khai của bị cáo, không có chứng cứ nào khác chứng minh T3 nhận bằng lô đề của và T3 cũng không thừa nhận nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Ninh không có căn cứ để xử lý T3 là phù hợp.

Đối với lời khai của bị cáo trước ngày 20/12/2021, có ghi số lô số đề cho khách và được hưởng lợi 300.000đ nhưng ngoài lời khai này, không có tài liệu nào khác chứng minh nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý bị cáo đối với hành vi đánh bạc những ngày trước đó là phù hợp.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các căn cứ pháp luật, đề xuất về hình phạt, xử lý vật chứng và án phí là phù hợp.

[3]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn C được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị N.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Buộc Đỗ Tất T2 phải nộp lại số tiền đánh bạc là 160.000đ (Một trăm sáu mươi nghìn đồng); Nguyễn Đức A phải nộp lại số tiền đánh bạc là 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền bị cáo N đánh bạc là 5.320.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

- Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc bút bi mực màu xA; 01 ví giả da màu đỏ của bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 3.580.000đ (Ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

Các vật chứng trên đang lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Số tiền 8.900.000đ (Tám triệu chín trăm ngàn đồng) đang trong tài khoản tạm giữ số 3949.0.1053892.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ mở tại Kho bạc nhà nước huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- THA HS, DS huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND thị trấn C, P, Phú Thọ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phùng Thị Thu Hương**